TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG** Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST Ngày 11 tháng 7 năm 2017 "V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Gạt

Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Phạm Anh Tuấn – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông Trần Minh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2017 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự**:**

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt)

Bị đơn: Ông Phan Đình A - sinh năm 1988. Địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1963 (Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Bà Trần Thị H – sinh năm 1960 (Có mặt)

Cùng địa chỉ: thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 10.02.2017, bản tự khai ngày 19.4.2017 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày:

Tôi và ông Phan Đình A kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại thôn N, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với vợ con, suốt ngày chỉ biết chơi đánh bạc và điện tử mà không lo làm. Ngày 15.8.2016 vợ chồng cải nhau và ông A đánh tôi trước sự chứng kiến của rất nhiều người. Ngoài ra ông A nhiều lần có những hành vi và lời lẽ xúc phạm gia đình tôi. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng ông A vẫn không thay đổi. Nay mâu thuẫn vợ chồng không hòa giải được, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn ông Phan Đình A.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Thị N – sinh ngày 05.12.2008 và Phan Đình P – sinh ngày 10.7.2016. Ly hôn tôi yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì ông A đã mang con Phan Thị N đi khỏi địa phương trong lúc con tôi đang học dỡ chương trình lớp 3 khiến cháu phải bỏ học, tôi nhiều lần liên lạc yêu cầu ông A mang con về nhưng ông A vẫn dẫn cháu đi, bản thân ông A từ trước giờ hoàn toàn không có trách nhiệm với con, không biết nghĩ cho con nên tôi tha thiết mong Tòa giao 02 con cho tôi nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Tại thời điểm nộp đơn khởi kiện tôi có yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung là ngôi nhà xây trên đất của ba mẹ tôi nhưng khi hòa giải tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung.

Bị đơn ông Phan Đình A đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông A cố tình vắng mặt, không tham gia phiên họp, không tham gia phiên toà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn N và bà Trần Thị H trình bày: Vợ chồng tôi có cho vợ chồng bà Nguyễn Thị T, ông Phan Đình A mượn đất để xây ngôi nhà nhỏ, nay bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đình A ly hôn nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên chúng tôi cũng không có ý kiến gì và không yêu cầu gì.

**** Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm :*** Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Trích lục khai sinh của con Phan Thị N, Phan Đình P (bản sao chứng thực); Chứng

minh nhân dân của bà T và sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Phan Đình A (bản sao chứng thực); Bản tự khai, Đơn trình bày, Đơn báo cáo của nguyên đơn; Bản tự khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Về quan hệ hôn nhân, đề nghị xử cho bà T được ly hôn ông Phan Đình A. Về con chung, đề nghị giao hai con Phan Thị N – sinh ngày 05.12.2008 và Phan Đình P – sinh ngày 10.7.2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, ông A không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, bị đơn là ông Phan Đình A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Bà Nguyễn Thị T và ông Phan Đình A xây dựng gia đình với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Q trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Đây là cuộc hôn nhân hội đủ các điều kiện do luật HN&GĐ Việt Nam quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án, bà T xác định trong thời gian sống chung thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Theo bà T xác định, cũng như qua xác minh tại địa phương thì nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông A không có trách nhiệm với vợ con, suốt ngày chỉ biết chơi đánh bạc và điện tử mà không lao động phụ giúp gia đình. Ngày 15.8.2016 vợ chồng cải nhau và ông A đánh bà T trước sự chứng kiến của rất nhiều người. Nhiều lần ông A có những hành vi và lời lẽ xúc phạm gia đình bà T. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được chính quyền địa phương hòa giải nhưng ông A vẫn không thay đổi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông A đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không

đạt được, do vậy HĐXX căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T và xử cho bà T được ly hôn ông Phan Đình A.

[3] Về con chung: Bà T xác định ông bà có 02 con chung là Phan Thị N – sinh ngày 05.12.2008 và Phan Đình P – sinh ngày 10.7.2016. Ly hôn bà T yêu cầu được nuôi cả 02 con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì ông A đã mang con Phan Thị N đi khỏi địa phương mà không có sự đồng ý của bà T khiến cháu Phương đang học chương trình lớp 3 mà phải bỏ học. Xét thấy, con chung Phan Thị N – sinh ngày 05.12.2008 và Phan Đình P – sinh ngày 10.7.2016 còn nhỏ, cháu Phan Thị N lại là con gái, cháu Phan Đình P chưa đủ 36 tháng tuổi, bản thân ông A lại không có việc làm, ham chơi đánh bạc, riêng bà T có việc làm, có thu nhập ổn định nên giao cả 02 con cho bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp, đảm bảo quyền lợi của các con. Các bên đương sự vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Án phí Hôn nhân gia đình: Bà T phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)*

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình, Điều 147, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T đối với ông Phan Đình A về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con " .

Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Phan Đình A.

Về con chung: Giao 02 con chung là Phan Thị N – sinh ngày 05.12.2008 và Phan Đình P – sinh ngày 10.7.2016 cho bà Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Đình A không cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ đối với con chung, các bên đương sự được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp tại biên lai thu số 6743 ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền 500.000đ *(năm trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn đã nộp tại biên lai thu số 6744 ngày 21/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bà Nguyễn Thị T, bà Trần Thị H biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Phan Đình A, ông Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án đợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKSND h. Hòa Vang;
- Chi cục THADS h. Hòa Vang;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ;